TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **733**/2022/QĐST-HNGĐ	*Biên Hòa, ngày 27 tháng 4 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

Căn cứ khoản 2 Điều 149, 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 939/2022/TLST-VHNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2022 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:*

1. Ông **Nguyễn Tấn T**, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Ấp T, xã S, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

2. Bà **Đống Ngọc T**, sinh năm 1999;

Địa chỉ: 53/3, khu phố T, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 23 tháng 3 năm 2022, ông Nguyễn Tấn T, bà Đống Ngọc T cùng nộp đơn yêu cầu "công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con chung". Quá trình vận động hòa giải, ông T và bà T thống nhất không hòa giải đoàn tụ; Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận thuận tình ly hôn vào ngày 19 tháng 4 năm 2022. Bà T cư trú tại phường Hiệp Hòa thuộc thành phố Biên Hòa, đã nộp tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia dình; Do đó, đơn yêu cầu của ông T, bà T được Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa thụ lý và giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung đơn yêu cầu:

Ông Nguyễn Tấn T, bà Đống Ngọc T chung sống với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 11/2020 ngày 04/02/2020. Ông T, bà T xác định có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Diệu N, sinh ngày 29/6/2021. Ly hôn, ông T và bà T thỏa thuận sẽ giao cháu N bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông T sẽ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng kể từ tháng 05/2022 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, có khả năng lao động.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T, bà T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình chung sống, ông T và bà T thừa nhận hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc. Ông T, bà T xác định tình cảm không còn, không đồng ý hòa giải đoàn tụ mà đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con chung.

Xét thấy, ông T và bà T thực sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục con; sự thỏa thuận của ông T, bà T đảm bảo quyền lợi chính đáng của các bên. Do đó, đủ cơ sở để Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa chấp nhận đơn yêu cầu của ông T và bà T.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của ông Nguyễn Tấn T, bà Đống Ngọc T.

- Về con chung: Ông Nguyễn Tấn T, bà Đống Ngọc T xác định có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Diệu N, sinh ngày 29/6/2021. Ly hôn, ông T và bà T thỏa thuận sẽ giao cháu N bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông T sẽ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng kể từ tháng 05/2022 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, có khả năng lao động.

Sau khi ly hôn, ông T vẫn phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Ông T có quyền thăm nom con chung; không ai được cản trở ông T thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Quyết định này được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Tấn T, bà Đống Ngọc T mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mơi ngàn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu lệ phí số 0002055 ngày 30/3/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa. Ông T, bà T đã nộp đủ lệ phí theo quy định.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã (phường) ĐKKH;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Phan Thị Hòa